TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/DS-PT
Ngày 23-8-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quang
Bà Bùi Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp đòi lại sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 225/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 145/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: A H, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 25-6-2024 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Nhà số F, đường số F, Trung tâm đô thị C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1. Ông Bùi Sỹ D, sinh năm 1964.
Địa chỉ: A H, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Nhà số F, đường số F, Trung tâm đô thị C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Tiến L1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà trình bày:

Ngày 23-12-2016, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tiến L1 có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 1,2 ha tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo thỏa thuận, bà H đã giao cho ông L1 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 1.050.000.000 đồng. Ông L1 cam kết tiến hành các thủ tục chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho bà H. Tuy nhiên, từ năm 2016 cho đến nay, ông L1 không tiến hành các thủ tục như đã cam kết. Tháng 07-2023, bà H và ông L1 có làm việc lại và ông L1 đã trả cho bà H 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và viết giấy biên nhận cam kết trả lại cho bà H số tiền 1.050.000.000 đồng nhưng ông L1 không có thiện chí trả. Nay, bà H yêu cầu ông Nguyễn Tiến L1 phải có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06-7-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/tháng, cụ thể là 1.050.000.000 đồng x 10%/năm x 02 tháng 23 ngày = 23.055.000 đồng.

Ngày 28-7-2023, Tòa án nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-7-2023. Nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 05/2023/QĐ - BPKCTT ngày 28-7-2023 để đảm bảo cho quá trình thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không ghi nhận được lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 155/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Tiến L1 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*".

Buộc ông Nguyễn Tiến L1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 1.052.305.500 đồng, trong đó tiền gốc 1.050.000.000 đồng và tiền lãi là 2.305.500 đồng.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2023/QĐ-BPBĐ ngày 26-7-2023 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-7-2023 về việc "*Phong tỏa số tiền 1.050.000.000 đồng trong tài khoản số 76610000095451; Tên tài khoản: Nguyễn Tiến L1 tại Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh V - C"* đến khi Tòa án có quyết định

thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07-11-2023, bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (do ông Nguyễn Thành L đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần tiền gốc. Đối với số tiền lãi đề nghị tính lại cho chính xác theo đúng yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông L1 xác nhận có nhận của bà H nhiều lần với tổng số tiền 1.050.000.000 đồng và 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H góp vốn đầu tư dự án H . Sau đó, dự án này không thực hiện được nên ông và bà H đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng góp vốn, ông đã trả lại cho bà H 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L1 xác nhận có ký vào Giấy biên nhận ngày 06-7-2023 nhưng lý do là vì bà H nhờ ông ký giấy xác nhận để chồng bà H yên tâm và không cằn nhằn bà H về việc góp vốn làm ăn với ông. Thực tế, năm 2017 bà H đã giao cho ông chuyển nhượng 03 thửa đất theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đã góp vốn, số tiền thu được là 6.400.000.000 đồng. Sau khi trừ đi phần bà H đã góp vốn là 1.200.000.000 đồng (trong đó tiền mặt là 1.050.000.000 đồng và 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương đương 150.000.000 đồng), còn lại 5.200.000.000 đồng ông được hưởng. Nhưng thực tế, bà H chưa trả cho ông số tiền này. Như vậy, ông không còn nợ tiền bà H mà ngược lại, bà H còn phải trả lại cho ông 5.200.000.000 đồng.

Về việc bổ sung chứng cứ tại phiên tòa: Nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là các giấy cam kết, giấy đặt cọc và giấy biên nhận giữa ông L1 và bà H. Bị đơn bổ sung thêm 01 bản chính giấy viết tay đề ngày 04-8-2017.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 nhưng sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi do cấp sơ thẩm tính số tiền lãi mà ông L1 phải trả cho bà H không chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L1 nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Cấp sơ thẩm không đưa chồng bà H là ông Bùi Sỹ D và vợ ông L1 là bà Lê Thị T vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có thiếu sót về tố tụng. Cấp phúc thẩm đã đưa các đương sự này vào tham gia tố tụng và cả hai đương sự này đều xác nhận không có yêu cầu gì trong vụ án. Ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và quyết định của bản án sơ thẩm, còn bà T xác nhận thỏa thuận góp vốn giữa bà H và ông L1 là việc làm ăn riêng của ông L1, không liên quan đến bà, bà không có ý kiến gì với bản án sơ thẩm. Nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu một mình ông L1 trả khoản tiền 1.050.000.000 đồng và tiền lãi, không yêu cầu bà T trả khoản tiền này. Do vậy, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về sai sót trên.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Sỹ D và bà Lê Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L1*:

[2.1] *Về việc cấp sơ thẩm xử vắng mặt bị đơn*:

Tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông L1 (ký nhận trực tiếp) nhưng ông L1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông L1 là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn về vấn đề này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.2.1] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông L1 không tham gia làm việc và không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án. Sau khi nhận bản án sơ thẩm, ông L1 mới kháng cáo cho rằng: Tuy ông L1 có nhận của bà H số tiền 1.050.000.000 đồng và 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H góp vốn đầu tư dự án Hồ Đ, nhưng do sau đó dự án này không thực hiện được nên giữa ông và bà H đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng góp vốn, ông đã trả lại cho bà H 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận. Sau đó, bà H yêu cầu ông chuyển nhượng 03 thửa đất theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên được 6.400.000.000 đồng. Giá trị ban đầu khi bà H góp vốn 03 thửa đất trên là 150.000.000 đồng, như vậy ông đã làm lợi cho bà H 6.250.000.000 đồng. Nếu trừ số tiền 1.050.000.000 đồng ông còn nợ bà H thì bà H nợ lại ông 5.200.000.000

đồng. Do vậy, ông không đồng ý trả số tiền 1.050.000.000 đồng cho bà H nữa, mà ông sẽ kiện đòi lại số tiền bà H còn nợ ông là 5.200.000.000 đồng.

[2.2.2] Xét, ngoài lời khai của chính mình, ông L1 không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào khác chứng minh lời khai trên là đúng sự thật. Bà H không thừa nhận những nội dung trên. Chứng cứ ông L1 giao nộp tại cấp phúc thẩm là Giấy viết tay đề ngày 04-8-2017 không có nội dung nào thể hiện thỏa thuận giữa các bên như ông L1 khai. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến nêu trên của ông L1.

[2.2.3] Mặt khác, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy biên nhận ngày 06-7-2023 được lập sau ngày 04-8-2017 gần 6 năm, lúc này ông L1 vẫn xác nhận chưa trả cho bà H 1.050.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, đồng thời xác nhận đồng ý trả khoản tiền này cho bà H. Ông L1 thừa nhận chữ ký trong giấy biên nhận này là của ông và ông tự nguyện ký để cho vợ chồng bà H không cãi nhau về chuyện tiền bạc với ông. Hiện nay, ông L1 thừa nhận vẫn chưa trả cho bà H 1.050.000.000 đồng và đồng ý trả với điều kiện bà H phải trả lại ông 5.200.000.000 đồng là tiền ông bán đất làm lợi cho bà H.

Như trên đã phân tích, ông L1 không có chứng cứ chứng minh về việc bà H thỏa thuận để cho ông được nhận 5.200.000.000 đồng hoặc cấn trừ số nợ 1.050.000.000 đồng váo số tiền bán đất như ông nêu. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2.4] Đối với số tiền 5.200.000.000 đồng mà ông L1 cho rằng bà H phải trả cho ông, nếu có chứng cứ chứng minh thì ông L1 có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định cùa pháp luật.

[2.2.5] *Về tiền lãi*: Trong Giấy biên nhận ngày 06-7-2023, ông L1 xác nhận nợ và đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật cho bà H nhưng hai bên không thỏa thuận rõ về mức lãi suất cụ thể. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, khi tính toán số tiền lãi mà ông L1 phải trả theo yêu cầu của bà H, cấp sơ thẩm đã tính toán là không chính xác. Cụ thể, số tiền lãi ông L1 phải trả cho bà H là: 1.050.000.000 đồng x 10%/năm x 2 tháng 23 ngày (83 ngày) = 23.876.000 đồng. Do vậy, cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[3] *Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*: Tại cấp phúc thẩm, ông L1 và bà Lê Thị T yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, vì số tiền trong tài khoản bị phong tỏa là tiền của bà T và 02 người con. Tuy nhiên, xét số tài khoản bị phong tỏa là tài khoản của ông Nguyễn Tiến L1, ông L1 và bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trong tài khoản này là tài sản riêng của bà T và 02 người con. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên của ông L1 và bà T.

[4] *Về chi phí giám định*: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giam định là 5.000.000 (năm triệu) đồng và đã nộp xong.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Ông L1 phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tiến L1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Tiến L1 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*".

Buộc ông Nguyễn Tiến L1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 1.073.876.000 (một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng, trong đó tiền gốc là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi là 23.876.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 28-7-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng của ông Nguyễn Tiến L1.

3. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giam định là 5.000.000 (năm triệu) đồng và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến L1 phải nộp là 44.216.000 (bốn mươi bốn triệu, hai trăm mươi sáu ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 21.800.000 (hai mươi mốt triệu, tám trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000877 ngày 18-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến L1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0002068 ngày 07-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông L1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23-8-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. V, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. V, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp. V, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Vỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Quang

Bùi Thị Thương

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Vỹ